

# Khởi nghĩa Cờ Vàng năm Giáp Tuất (1874) ở Hà Tĩnh

Nguyễn Tất Thắng

**Tóm tắt**— Ngày 15-3-1874 triều Nguyễn đã kí kết với thực dân Pháp Hiệp ước Giáp Tuất với nhiều điều khoản nặng nề. Hành động thỏa hiệp này của triều đình Huế vấp phải sức phản ứng mạnh mẽ của nhân dân cả nước, đặc biệt ở hai miền Trung - Bắc Kỳ, nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra, vừa chống thực dân Pháp xâm lược, vừa chống triều đình phong kiến thỏa hiệp, đầu hàng.

Với hành động cắt đất dâng cho giặc của triều đình Huế, nhân dân Nghệ Tĩnh nói chung và Hà Tĩnh nói riêng đã nhận thức rõ rằng từ nay không thể tách rời việc chống thực dân Pháp xâm lược với việc chống triều đình. Mâu thuẫn đối kháng giai cấp vốn âm ỉ trước kia tạm lắng dịu nay đã lại bùng lên. Mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp là nguồn gốc khởi phát cuộc khởi nghĩa Cờ Vàng năm Giáp Tuất trên địa bàn Hà Tĩnh dưới sự lãnh đạo của Trần Quang Cán. Mặc dù thời gian tồn tại chỉ trong vòng 6 tháng song cuộc khởi nghĩa đã gây ra nhiều khó khăn cho thực dân Pháp cùng triều đình phong kiến thỏa hiệp, nêu cao truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần chống xâm lược mạnh mẽ của nhân dân Hà Tĩnh. Đây cũng là ngọn lửa đầu tiên để rồi 10 năm sau bùng cháy mạnh mẽ và quyết liệt trong phong trào Cần Vương.

**Từ khóa**— Cờ Vàng, Giáp Tuất, Trần Quang Cán, Trần Tấn, Hà Tĩnh.

## 1 DẪN NHẬP

Cuộc khởi nghĩa năm Giáp Tuất do Trần Tấn, Đặng Như Mai, Trần Quang Cán lãnh đạo, bùng nổ ở Nghệ Tĩnh từ tháng 2-1874, đạt tới đỉnh cao vào giữa tháng 5-1874, hai tháng sau Điều ước Giáp Tuất. Những người lãnh đạo của cuộc khởi

nghĩa nêu khẩu hiệu “*Bình Tây sát tà*”. Với khẩu hiệu này, cuộc khởi nghĩa nhằm mục tiêu đánh đuổi giặc Pháp xâm lược cùng lúc với việc đàn áp Thiên Chúa giáo, vì cho rằng Thiên Chúa giáo đã đồng lõa với thực dân Pháp trong cuộc xâm lược nước ta và đang có vai trò là kẻ tay trong cho thực dân Pháp. Mặt khác, vì triều đình Huế đã lún sâu vào con đường chủ hòa, công nhận sự chiếm đóng của Pháp ở sáu tỉnh Nam Kỳ và một số quyền lợi khác, nên cuộc khởi nghĩa nêu khẩu hiệu:

“Dập diu trống đánh cờ xiêu,

Phen này quyết đánh cả Triều lẫn Tây” [1]

Đi đầu trong cuộc đấu tranh này ở Hà Tĩnh là các văn thân sĩ phu yêu nước, họ đã đứng lên triệu tập nhân dân quyết tâm vì quê hương đất nước mà sẵn sàng hi sinh bản thân mình. Tiêu biểu trong phong trào “*đánh cả Triều lẫn Tây*” trên đất Hà Tĩnh như Trần Quang Cán, Nguyễn Huy Điển với cuộc khởi nghĩa Cờ Vàng năm Giáp Tuất (1874) làm chấn động cả nước.

Cuộc khởi nghĩa năm Giáp Tuất 1874 (mà lịch sử thường gọi là khởi nghĩa Cờ Vàng) được xem là một trong những sự kiện tiêu biểu cho phong trào đấu tranh của đông đảo quần chúng nhân dân Hà Tĩnh chống lại sự đầu hàng của triều đình phong kiến nhà Nguyễn cùng quân xâm lược Pháp. Tuy nhiên cho đến nay, cuộc khởi nghĩa này mới chỉ được đề cập một cách sơ lược trong một vài công trình và do đó rất ít người biết tới. Chính vì vậy, trong bài viết này, trên cơ sở tập hợp nhiều nguồn tư liệu khác nhau chúng tôi sẽ đi sâu trình bày về quá trình chuẩn bị, diễn biến, kết quả, ý nghĩa và nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa Cờ Vàng năm Giáp Tuất dưới sự lãnh đạo của Trần Quang Cán trên đất Hà Tĩnh.

## 2 NỘI DUNG

**2.1 Vài nét về Trần Quang Cán - người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa**

Trần Quang Cán (tên thật là Trần Quang Hoàng), nhưng trước khi giương cao ngọn cờ khởi

*Bài nhận ngày 11 tháng 9 năm 2017, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 20 tháng 10 năm 2017.*

Nguyễn Tất Thắng - Trường Đại học Sư phạm Huế - Đại học Huế (email: tatthangsp@gmail.com)

nghe năm 1874, ông đã từng có hoạt động chống lại triều đình nên bị truy nã và phải đổi tên là Trần Quang Cán mới khỏi bị bắt<sup>1</sup>, biệt hiệu Đại Đầu sinh năm 1836 tại xóm Cửa Ngăn, xã Phúc Dương, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (nay là đội 4, cơ sở Trung Thành, xã Sơn Trung, huyện Hương Sơn).

Cha Trần Quang Cán là Quang Thám (tục gọi Trùm Thám), mẹ họ Hồ đều sinh và trú quán ở địa phương. Vợ Quang Cán cũng họ Hồ, con bát phẩm thiên hộ Hồ Trương (tục gọi Bát Trương). Trần Quang Cán còn có người vợ thứ hai cũng họ Hồ<sup>2</sup>.

Trần Quang Thám (bố đẻ) cũng như Hồ Trương (bố vợ) Trần Quang Cán đều là hào phú bậc nhất trong huyện. Trên 10 tuổi, ông sang Nghệ An thụ giáo với các danh sĩ nổi tiếng. Khi đã thành niên, ông theo học với Võ Trọng Bình - sau này làm Tổng đốc An - Tĩnh.

Trần Quang Cán thông minh, học giỏi, Võ Trọng Bình thường khen ông là người tài năng lỗi lạc, nhưng lại phàn nàn rằng ông có tướng xấu, đàn ông mà mặt đẹp như đàn bà, tóc dài, không có râu (phụ mạo, trường phát, vô tư) thì không sao thành công trong sự nghiệp được.

Nơi trường ốc xứ Nghệ, danh tiếng Quang Cán được nhiều người biết đến, văn hay chữ tốt, ít ai theo kịp. Nhưng từ năm 20 tuổi đi thi Hương ông chỉ vào nhị trường, khoa sau cũng chỉ nhị trường, cả hai khóa ông đều không đậu. Đã không vui trong chuyện khoa cử, việc nước càng làm ông thêm buồn bã: Nhà Nguyễn đã nhường sáu tỉnh Nam Kỳ cho giặc Pháp. Tính khảng khái, nặng lòng vì nước, ông toan tính hàn gắn vết thương lớn cho non sông đất nước, nên bỏ nghiệp văn chương theo sang nghề võ. Mới học vài năm, ông đã tinh thông võ nghệ, các môn phi ngựa, múa siêu đao,

phóng giáo đều giỏi. Lại nhờ trí thông minh, ông nhanh chóng tinh thông binh thư, binh pháp. Trong nhân dân ngày nay còn truyền tụng câu chuyện sau vài năm học võ Quang Cán đã đánh ngã hàng trăm lục sĩ. Nhiều người còn nhớ chuyện Đội Lữ tập chạy vai mang con bò con; người ta cũng truyền lại rằng gạch lát mấy cái sân xung quanh nhà ông đều bị vỡ toang vì ông chạy, nhảy, tấp quá mạnh những lúc luyện tập [2].

Trên 30 tuổi, Quang Cán là người văn võ toàn tài, không những được nhân dân trong vùng tin theo, mà còn được đông đảo chí sĩ xứ Nghệ mến phục. Tiếng tăm Quang Cán vang lừng khắp miền Nghệ Tĩnh. Ông đi lại đây đó tìm cách liên kết với anh hùng hào kiệt khắp xứ Hồng Lam. Do đó, anh hùng hào kiệt đến với ông ngày càng đông.

Nhưng rồi Quang Cán đi thi võ cũng lại bị đánh hỏng. Nhờ quan thầy là Võ Trọng Bình giúp đỡ, ông được bổ dụng làm việc tại nha Dinh điền tỉnh Nghệ An. Chẳng bao lâu, ông được đề bạt chức đội trưởng đồn điền Sông Con (Trại Giàn) nay là xã Sơn Lĩnh thuộc miền rừng núi huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh, làm việc chưa đầy 5 năm thì đã thụ hàm thất phẩm. Ông không lấy làm đắc ý như mọi người về việc này, mà thường nói vui: *"Ngốc dĩ nông đắc chức, sơ thụ thất phẩm, nghĩa là: Kẻ ngốc này do nghề nông được nhận chức, đầu tiên thất phẩm"* [3].

Trần Quang Cán lại là người có diện mạo đẹp đẽ, lời nói nhẹ nhàng, tính tình hòa nhã đối với mọi người dưới quyền nên được nhân viên đồn điền Sông Con, nông dân hai trại Bạch Sơn (Sơn Tiến) và Yên Đức (Sơn Lễ) là những người tiếp xúc với ông hàng ngày, rất mến phục và tin theo [4].

Thêm vào đó, Trần Quang Cán còn có một điều kiện rất thuận lợi cho việc dấy nghĩa. Gia tư của cải của họ Trần (Trùm Thám) và họ Hồ (Bát Trương) là nguồn lớn về tiền, gạo, sắt, đồng. Nhờ thế gần 10 năm trôi, vừa lo tiếp khách giang hồ ưu ái, vừa nuôi và chu cấp một số thù hạ đông đảo - hầu hết là nông dân đồn điền, ông chưa hề nhờ ai giúp đỡ, ông cũng chưa hề quyền trợ trong nhân dân, ý chí của ông vì vậy không bị bại lộ, chính quyền địa phương không hề biết tới.

Quan thầy của Trần Quang Cán là Võ Trọng Bình bấy giờ giữ chức Tổng đốc An - Tĩnh (Nghệ An và Hà Tĩnh) đã từng biết chí khí của học trò nên đem lòng ngờ vực. Quang Cán phải cho con trai đầu lòng là Trần Quang San 17 tuổi sang ở làm con tin. Trần Quang Cán từ đó sắp đặt mọi công việc cho đại sự: Khởi nghĩa đánh Tây và nhà Nguyễn để cứu dân cứu nước.

<sup>1</sup> Khi chúng tôi đi tìm địa phương, chỉ có các cụ Trần Ba Cán, Trần Văn Huân, Trần Văn Thảo, Hồ Văn Thụ biết tên Đội Lữ và Trần Quang Cán; còn lại đều nói ông tên Hoàng vì không rõ việc đổi tên Hoàng sang Cán. Việc đổi tên rất đơn giản, chỉ thêm "chấm thùy" vào là Hoàng thành Cán.

<sup>2</sup> Theo gia phả dòng họ Trần (xã Sơn Trung, huyện Hương Sơn), Trần Quang Cán và bà vợ cả có hai người con, 1 trai và 1 gái: con gái đầu lòng tên Lữ sau lấy chồng gọi là Bà Long, con trai tên là Trần Quang San làm con tin ở nhà Võ Trọng Bình, bị tử hình theo bố lúc 18 tuổi (1874). Quang Cán và bà vợ thứ hai có ba người con: 1 gái, 1 trai, còn người con sau cùng không rõ trai hay gái: Người con gái lấy Hồ Trạch sinh được 7 trai 2 gái. Hồ Nhu - một yếu nhân trong khởi nghĩa Hồ Hảo (1941) là con trai Hồ Trạch, cháu ngoại Quang Cán. Hồ Tĩnh, Hồ Lương trong phong trào nói trên là cháu nội Hồ Trạch, chất ngoại Quang Cán. Người con trai tên là Trần Quảng Bôn (cậu Bôn) bị bắt lúc 8 tuổi, chưa thụ hình, không rõ lúc đến 18 tuổi có bị giết hay không? Người con thứ ba bị bắt với mẹ trong hang đá lúc mới sinh không rõ về sau sống hay chết.

## 2.2 Chuẩn bị khởi nghĩa

Trần Quang Cán cùng với các đồng chí của ông đã tích cực chuẩn bị cơ sở vật chất, chiêu tập và rèn luyện binh mã. Việc chuẩn bị đó được thể hiện trên các mặt sau:

\*Về chiêu tập lực lượng

Trần Quang Cán lấy quê hương của mình làm chỗ đứng quân đầu tiên để chiêu tập lực lượng. Khu vườn rộng một mẫu hai sào của Trần Quang Cán được dùng làm khu doanh trại, kho tàng và đại bản doanh cho cuộc khởi nghĩa [5].

Nhờ uy tín và tài năng của mình, từ đầu năm Quý Dậu (1873), anh hùng hào kiệt hai tỉnh Nghệ - Tĩnh đến với Quang Cán ngày càng đông:

- Các võ sĩ Nguyễn Vĩnh Khánh (Hà Tĩnh), Nguyễn Thanh Long, Nguyễn Thanh Huân (Nghệ An) được Trần Quang Cán cử đến Phúc Dương, đồn điền Sông Con và hai trại Bạch Sơn - Yên Đức lo tổ chức, rèn luyện binh lính, huấn luyện chỉ huy, sắp đặt đội ngũ.

- Trần Tấn (tức Trần Đại Lão biệt hiệu Bang Cửu) quê ở Thanh Chương, Nghệ An, vừa là bạn thân mà cũng vừa là anh họ của Trần Quang Cán đã cùng ông bàn tính kế hoạch, sắp đặt mọi công việc<sup>3</sup>.

- Các võ cử Hồ Bá, Nguyễn Long, Nguyễn Tài, hiệu sĩ Nguyễn Tạo đều người Phúc Dương, phối hợp chặt chẽ với Trần Quang Cán trong công việc tổ chức và huấn luyện. Hồ Bá phụ trách giảng võ đường Đình E, Nguyễn Tài phụ trách giảng võ đường Bàu Đông đặt tại nhà hiệu sĩ Nguyễn Tạo. Trần Văn Biểng (em con chú của Quang Cán) vừa phụ tá Quang Cán, vừa nắm vai trò đốc suất đội ngũ luyện tập. Tú tài Hồ Văn cũng quê Phúc Dương (nay Bắc Phú) phụ trách văn thư và thủ bộ, giữ kho tàng vật dụng.

Nhân dân các địa phương ở Hà Tĩnh tề tựu ngày càng đông dưới ngọn cờ chính nghĩa của Trần Quang Cán.

\*Về xây dựng căn cứ, chuẩn bị quân lương, quân trang

Vườn nhà Trần Quang Cán (đội 4, cơ sở Trung Thành, xã Sơn Trung) rộng một mẫu hai

sào là nơi đóng quân doanh căn cứ. Căn cứ được bố trí như sau: Hai bên là doanh trại, Tướng phủ đóng ở giữa. Phía sau là nhà kho, tàu ngựa, nơi nuôi hàng trăm ngựa trạm. Cuối cùng là trại giam tù binh.

Hàng chục thuyền cắm ở bến Góc Tre chợ Trị cách đại bản doanh 500 thước sẵn sàng cho công việc vận tải.

Khu vực bến Góc Tre trên bờ sông Phó đến Nền Rạp dài hơn cây số là xưởng chế tạo vũ khí và vật dụng cần thiết cho cuộc khởi nghĩa: hàng chục lò rèn vũ khí, máy xưởng thợ mộc đóng thuyền; trại đan nón mây, may quần áo lính, đóng cương yên ngựa trạm cho nghĩa quân cũng đến hàng chục.

Đường Hàng Đa (Hàng cây đa) trở thành khu vực chăm sóc voi (nghĩa quân có ba thớt voi mua ở Lào đưa về).

Xóm Cửa Ngăn xã Phúc Dương (nay là đội 4, cơ sở Trung Thành, xã Sơn Trung) trở nên vô cùng nhộn nhịp, kẻ ra người vào như xóm chợ. Nhân dân Hương Sơn hết lòng ủng hộ Trần Quang Cán luyện quân chuẩn bị khởi nghĩa.

Cùng với việc chuẩn bị về căn cứ, vũ khí, lương thực, công cuộc tuyên truyền được đẩy mạnh.

Cuối năm Quý Dậu (1873), nhiều bài về cổ động nhân dân tham gia cuộc khởi nghĩa đã được phổ biến ví như bài về sau đây:

“Nửa đêm vàng vạc giữa trời,  
Ngôi sao Bắc Đẩu đã dời về đây.  
Sao cờ từ đông sang tây,  
Sao kiếm hàng ngày cứ tới thì lên.  
Kìa ai thao lược côn quyền,  
Mau mau rủ cánh bay lên cứu đời” [6]

Những câu hát trên đây được các tầng lớp nhân dân truyền miệng rộng rãi, quần chúng nhiệt tình ủng hộ. Kết hợp với việc hoạt động chuẩn bị khởi nghĩa, nhân “sao cờ, sao kiếm” xuất hiện, các nho sĩ đã tuyên truyền về tinh tú học, lý học. Họ tuyên truyền rằng năm Tuất phải là năm có việc lạ. Năm Nhâm Tuất, Gia Long lên ngôi thay Tây Sơn, vậy thì Giáp Tuất cũng như năm Nhâm Tuất, phải có việc thay đổi lớn. Việc tuyên truyền này ngày càng rộng lớn, tuy không nói rõ nhưng nhân dân đều biết họ là người đi cổ động cho phong trào Cờ Vàng đang phát triển rầm rộ.

<sup>3</sup> Trần Tấn (Cổ Bang) cùng Đặng Như Mai (Tú Mai) cầm đầu cuộc khởi nghĩa năm Giáp Tuất (1874) ở Nghệ An, và trong hành động đã phối hợp chặt chẽ với Trần Quang Cán ở Hà Tĩnh. Chính thông qua Trần Quang Cán mà Trần Tấn đã liên lạc được với Trương Quang Thù là một tù trưởng Mường có thế lực ở vùng Thang Lãng, Kim Lũ (Tuyên Hóa - Quảng Bình).

Bài về “*Giữ nước*” rất mới mẻ, cả về nội dung lẫn về hình thức. Những câu hát, câu thơ, những lời đồn đại trong nhân dân, những lời giải thích có dụng ý của các nhà nho đã thúc đẩy công việc khởi nghĩa phát triển thêm nhanh chóng. Mọi công việc chuẩn bị lâu nay xem như hoàn tất. Tướng sĩ được tôi luyện càng vững vàng khí tiết, nghĩa quân được luyện tập một cách chu đáo:

“Nón mây quần áo nâu non,

Giáo đồng gươm sắt lòng son gan vàng” [7]

Ngoài vũ khí gươm đao, súng ống thông thường, nghĩa quân có một thứ vũ khí rất lợi hại. Đó là long trúc giáo: giáo bằng tre dài 1 trượng (4m) có bọc sắt hay đồng nhọn hai đầu. Nghĩa quân có 3 thốt voi, hàng trăm ngựa trận. Kỹ thuật chiến đấu cũng đạt đến trình độ điêu luyện. Các võ tướng của nghĩa quân là võ sĩ Thanh Long được tiếng là “*Tướng bay*”, võ sĩ Thanh Huân được gọi là “*Triệu Tử*”<sup>4</sup>.

Doanh trại của nghĩa quân được bố trí rất chỉnh tề. Trong doanh quân, chính giữa là tướng phủ trước mặt có kỳ đài đắp cao bằng đất. Chỗ Trần Quang Cán ngồi có bức tường vóc vàng thêu 8 chữ chia thành hai vế:

“Bình Tây sát tả”

“Phò Nguyễn diệt Trương”

“*Bình Tây sát tả*”: Đánh thực dân Pháp cướp nước và tiêu diệt những người theo đạo Gia tô (được xem là tả đạo, tức đạo trái)<sup>5</sup>.

“*Phò Nguyễn diệt Trương*”: Đây là một sách lược khôn khéo để vận động nhân dân hưởng ứng phong trào Cờ Vàng. Chữ “*Phò Nguyễn*”- tức triều đại chính thống bấy giờ càng được nhắc đến thì việc tổ chức khởi nghĩa càng dễ dàng, còn “*diệt Trương*” là loại trừ tay chân của Trương Đăng Quế - đại thần triều Nguyễn, người bị cho là lạm quyền, lấn át cả vua.

Lương thực ngoài việc mua của nhân dân quanh vùng, nghĩa quân còn nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ hết sức nhiệt tình của đồng bào địa phương. Để chủ động về quân lương, Trần Quang Cán còn chủ trương cho nghĩa quân tự canh tác

sản xuất lương thực, lập các kho cất giấu thóc gạo để phòng khi địch bao vây, triệt đường tiếp tế [4].

Sau khi mọi công việc chuẩn bị đầy đủ, đội ngũ chỉnh tề, vũ khí và lương thực dồi dào, Quang Cán đã phát Hịch kêu gọi toàn dân đứng dậy vừa đánh Tây vừa đánh triều Nguyễn, kể cả ý đồ táo bạo đòi đô từ Thừa Thiên về Hương Sơn. Bài “*Về đánh Tây*” trước chỉ có 50 câu, nay tăng thêm 30 câu nữa. Với nội dung quyết liệt hơn phần trước rất nhiều. Tiếp theo bài về trên, bài ca “*Đi đi*” kịp thời xuất hiện, và có thể xem đây là bài “*Hành quân ca*” của phong trào. Đồng thời với bài ca “*Đi đi*”, hai bài “*Phụ quốc ca*” và “*Khải ca*” cũng được phổ biến sâu rộng trong nhân dân, đã cổ vũ họ đứng lên tham gia công cuộc cứu nước.

Được tin Trần Quang Cán sắp khởi nghĩa, Tổng đốc An - Tĩnh là Võ Trọng Bình vội vàng tìm cách đối phó. Võ Trọng Bình lấy tư cách là đại diện triều đình gửi trát công văn cho Trần Quang Cán, phân tích lợi hại và kêu gọi chiêu hàng. Y lại lấy tư cách là thầy học cũ, làm thơ khuyên Trần Quang Cán giải binh, trở về với cương thường để bảo toàn gia đình [8].

Trần Quang Cán cầm bút phê ngay vào bài thơ mấy chữ “*Thừa long tuy nhị vô tâm, nhi kị hổ, thế nan đắc hạ*” (Không định tâm cười ròn, nhưng đã cười cợt thì khó xuống). Phúc đáp thầy học, Quang Cán không nhắc gì đến bức công văn và bài thơ, ông chỉ biểu thầy chiếc quạt có vẽ bức tranh sơn thủy với núi sông làng mạc, giữa lòng sông có hình người võ sĩ mang gươm chèo chống chiếc đò. Bức tranh sơn thủy vẽ trong chiếc quạt đã nói lên rõ ràng và đầy đủ tinh thần cao cả của ông. Vì non sông đất nước, vì làng mạc nhân dân, ông phải mang gươm chèo chống con thuyền non nước.

Ngay sau khi trả lời dứt khoát với Võ Trọng Bình, biết trước quân triều đình sẽ kéo đến, Trần Quang Cán mở đại hội khao quân. Trong đại hội này có tổng lý, thân hào nho sĩ xã sở tại là Phúc Dương và các xã lân cận như Hữu Bằng, Tĩnh Di, Tĩnh Diệm tham dự. Trần Quang Cán đứng lên tuyên bố lý do đại hội, ý nghĩa của cuộc dấy quân và kêu gọi toàn dân ủng hộ phong trào “*Bình Tây sát tả*”. Trần Đại Lão ở Nghệ An đến tham dự và mang đến cho đại hội khao quân bảy tù binh toàn là quân đội và lính của triều đình tại Nghệ An mà ông đã bắt được; điều này càng tăng thêm tinh thần của nghĩa quân. Như vậy, ngay từ trong quá

<sup>4</sup> Ý so sánh với danh tướng Triệu Tử Long trong truyện *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung.

<sup>5</sup> Đây là một sai lầm của những người cầm đầu phong trào hồi đó. Sai lầm này đã bị thực dân Pháp triệt để lợi dụng để phá hoại khối toàn dân đoàn kết. Đúng ra là phải phân biệt những người dân theo đạo kính Chúa yêu nước với một số tay sai của giặc đội lốt tôn giáo.

trình chuẩn bị khởi nghĩa, nghĩa quân Trần Quang Cán đã nhận được sự phối hợp, giúp đỡ cả về tinh thần lẫn vật chất từ Trần Tấn, Đặng Như Mai - những thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa năm Giáp Tuất (1874) ở Nghệ An.

### 2.3 Tiến hành khởi nghĩa

Đầu tháng 3/1874, tại Nghệ An, đảng "*Văn Thân*" do Trần Tấn và Đặng Như Mai<sup>6</sup> lãnh đạo, quy tụ 3.000 nho sĩ, cầm khí giới đứng lên chống lại Triều đình Huế và chính sách chủ hòa [9]. Trần Tấn chỉ huy nghĩa quân tiến đánh Thành Vinh; Đặng Như Mai cầm quân đi đánh các huyện Diễn Châu, Quỳnh Lưu, sau đó đánh sang các huyện khác trong tỉnh. Đến tháng 7/1874, trừ vùng Vinh, còn lại phần lớn các phủ huyện Nghệ An đều lọt vào tay nghĩa quân. Thừa thắng, nghĩa quân phối hợp chiến đấu với các đội quân khởi nghĩa khác ở Hà Tĩnh, Quảng Bình...

Phối hợp với cuộc khởi nghĩa của nhân dân Nghệ An, mấy ngày sau đại hội khao quân, nghĩa quân Trần Quang Cán làm lễ tế cờ vào tiết xuân phân năm Giáp Tuất (2/3/1874)<sup>7</sup>. Quang Cán dâng đàn bá tửng<sup>8</sup>. Chiêng trống trận nhạc quân vang động bầu trời. Lá cờ vàng "*Bình Tây sát tả*" phất phới trên kỳ đài. Quang Cán quỳ trước lá cờ vàng đốt hương, kỳ nguyện với trời đất việc khởi nghĩa cứu dân cứu nước. Khẩn nguyện xong, ông quay mặt nhìn binh sĩ xếp hàng nghiêm chỉnh trước kỳ đài, sang sảng tuyên đọc hịch "*Bình Tây sát tả*" trước ba quân và dân chúng.

Nghĩa quân, đội ngũ chỉnh tề, sắp hàng năm, nhìn kỳ đài nghe hịch văn và tướng lệnh. Chín phát súng thần công xé vỡ bầu trời. Nghĩa quân thao diễn chung quanh kỳ đài hát vàng bài "*Đi đi*". Nhạc quân hùng tráng khi bổng khi trầm chấm câu bài hát.

Đến lượt lễ khai đao, bảy tên tù bắt từ Nghệ An đưa đến được dẫn ra trước kỳ đài chịu tội.

<sup>6</sup> Đặng Như Mai (? - 1874) là chí sĩ yêu nước chống Pháp ở tỉnh Nghệ An thời Tự Đức. Ông quê làng Nam Kinh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Phản đối triều đình Huế chuẩn bị kí hiệp ước 15/3/1874 với Pháp, tháng 2 năm 1874 ông cùng Trần Tấn nổi dậy khởi nghĩa, đưa ra khẩu hiệu "*Bình Tây sát tả*", ban bố hịch văn thân để chiêu mộ lực lượng rồi tấn công quân triều đình và các làng giáo dân theo Pháp trên đất Nghệ An. Phong trào lan rộng, được nhiều văn thân và dân chúng hưởng ứng. Triều đình cử Hồ Đại và sau đó là Nguyễn Văn Tường đem quân đàn áp. Sau khi Trần Tấn bị bệnh rồi mất, Đặng Như Mai lãnh lên phủ Quỳnh Châu lập căn cứ, nhưng bị nội phản bắt đem giao cho triều đình và bị xử tử (9/1874).

<sup>7</sup> Dựa vào câu "*Xuân phân phân xích, kích phân xuân*" (tiết xuân phân, chia lực lượng mà đánh, đánh rồi giành được phần hơn, phần tươi), người ta nhận định rằng lễ tế cờ xuất quân cử hành vào tiết Xuân phân.

<sup>8</sup> Ra đứng trên đàn để quân lính tướng sĩ lay mừng.

Lễ khai đao xong, thực hiện chủ trương "*Bình Tây sát tả*", nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Nguyễn Vĩnh Khánh phối hợp với đội quân của Trương Quang Thủ từ Quảng Bình kéo ra tiến đánh nhà thờ Kê Mui, cách đại bản doanh Cờ Vàng chỉ hơn cây số, sau đó tiến đánh khu công giáo Đông Trần xã Tứ Mỹ (nay là xã Sơn Châu); rồi thừa thắng tiến lên bao vây huyện lỵ Hương Sơn tại xã Xa Lang (nay là xã Sơn Tân).

Quân chính quy của triều đình tại Hà Tĩnh có độ 3.000 lính, đóng chủ yếu dọc theo bờ biển từ Kỳ Anh ra đến Nghi Xuân, đề phòng giặc ngoại xâm đổ bộ. Tại tỉnh thành Hà Tĩnh chỉ độ 500 quân, còn tại mỗi phủ hay huyện cũng chỉ độ 50 tên lính tuần sai, lính giản, tất cả đều trang bị thiếu thốn, vũ khí thô sơ, kỹ thuật cũng như tinh thần chiến đấu thấp kém. Cho nên, khi quân Cờ Vàng vừa kéo đến huyện lỵ Hương Sơn thì quan quân triều đình đều bỏ chạy, nhưng nghĩa quân không chủ trương chiếm đóng huyện lỵ Hương Sơn, họ kéo thẳng xuống Đức Thọ tiến đánh khu công giáo Thọ Kỳ, gồm Thọ Ninh (Đức Ninh), Thọ Tường (Đức Tân) và Cầu Khoáng (Đức Yên, Đức Xá) là khu vực công giáo lớn nhất, trụ mật nhất của Hà Tĩnh. Đây là khu vực Thiên Chúa giáo lớn nhất của Hà Tĩnh với 3 nhà thờ và hơn 500 giáo dân. Tại đây giáo dân có tổ chức phòng thủ, các đội hương vệ đông, được trang bị vũ khí. Đã thế, binh lính triều đình tại La Sơn đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng giáo dân đối phó với quân Cờ Vàng. Hai bên đã kịch chiến suốt một ngày đêm, đối phương bị tổn thất nặng, tinh thể rất nguy ngập. Bằng chứng là cả hai giám mục Puginier và Gauthier<sup>9</sup> đang ở Nghệ An đều cấp báo với quân Pháp về việc các cơ sở công giáo ở đây đang bị bao vây tấn công, một số nhà thờ bị đốt, 11 giáo dân bị giết [10]. Mặc dù bị tổn thất nặng nhưng lại được lực lượng Lam La<sup>10</sup> tiếp viện nên quân giặc vẫn trụ lại được trước sức tấn công dồn dập của nghĩa quân. Về phía nghĩa quân, tướng Thanh Huân hi sinh, Trần Quang Cán quyết định bỏ Thọ Kỳ rút về phía Châu Dương (phía Nam huyện Đức Thọ ngày nay) và chọn hướng hành quân mới.

Từ đại bản doanh Hương Sơn, Trần Văn Biếng chỉ huy đội tiếp viện, tăng cường đội tiền phong. Cả đội thẳng tiến vào tỉnh lỵ Hà Tĩnh. Đến Lai Thạch (khu vực chợ Tổng - chợ Nhe, huyện

<sup>9</sup> Đây là những giáo sĩ có mối liên hệ chặt chẽ với đội quân xâm lược, họ vừa xúi giục giáo dân nổi dậy chống triều đình Huế, chia rẽ đoàn kết dân tộc, vừa dẫn đường, vạch kế hoạch tác chiến cho quân đội Pháp tấn công Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873) và lần thứ hai (1882).

<sup>10</sup> Sông Lam và sông La. Ở đây, chỉ đội thủy quân của giặc Pháp chung cho Nghệ An - Hà Tĩnh.

Can Lộc), nghĩa quân đánh thắng quân triều đình chi viện cho huyện La Sơn, sau đó ào ạt kéo thẳng vào tỉnh lỵ Hà Tĩnh hãm thành. Quân triều đình trấn giữ thành Hà Tĩnh tan vỡ nhanh chóng. “*Khâm phái Đình Văn Khoa, Phó lãnh binh Lê Văn Thất chết tại trận, Thị đạo Mạnh Tuyên bị bắt, cần lưỡi tự tử*”<sup>11</sup>. Nghĩa quân chiếm đóng tỉnh thành Hà Tĩnh vào ngày 31/5/1874. Nhà lao Hà Tĩnh bị phá, tù nhân được giải phóng, trong số đó có Nguyễn Huy Điền (tức Tú Khanh) quê làng Ngụy Dương (nay là xã Thạch Xuân, huyện Thạch Hà) trước đó đã bị bọn quan lại chủ hòa ở Hà Tĩnh bắt tống lao vì cho là một phần tử chống đối nguy hiểm<sup>12</sup>. “*Sau khi được giải thoát, Nguyễn Huy Điền đã có rất nhiều đóng góp cho nghĩa quân, là một trong những người đóng vai trò chủ chốt của quân Cờ Vàng (chỉ sau Trần Quang Cán), ông được mọi người hết sức coi trọng*” [4]. Lá Cờ Vàng với 4 chữ đỏ “*Bình Tây sát tá*” phất phới hùng tráng trên kỳ đài tỉnh thành. Thắng lợi của nghĩa quân diễn ra đúng vào tuần hạ chí năm Giáp Tuất (6/1874).

Trước diễn biến bất lợi, Tổng đốc An - Tĩnh Võ Trọng Bình vội vàng cấp báo về triều đình tình hình hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh:

“- Bọn giặc tự xưng là văn thân chiếm giữ 3 phủ: Quỳnh Châu, Tương Dương, Anh Sơn và 4 huyện: Thanh Chương, Hương Khê, Hương Sơn và Can Lộc, thanh thế giặc rất lớn, nhất là khi chúng chiếm được thành Hà Tĩnh.

- Quân đội triều đình đào ngũ rất nhiều, tuy vậy vẫn đánh thắng được mấy trận, đẩy lùi quân giặc ở phủ Diễn Châu, giải vây phủ Đức Thọ và huyện Hưng Nguyên nhưng tình hình vẫn hết sức khó khăn.

- Xin tăng viện thêm 1.000 quân ở Kinh và ở Ninh Bình, Nam Định đến tăng viện” [11].

Thành Hà Tĩnh bị hạ, triều đình Huế lập tức phản ứng. “Tháng 6, Nhà vua ra lệnh cho Thượng thư Bộ Binh Nguyễn Văn Tường, đích thân chỉ huy tàu chiến, cùng với hải quân Pháp tấn công từ

mặt biển. Thống tướng Tôn Thất Thuyết, đang đuổi giặc ở Sơn Tây, được lệnh điều binh (2.000 người và voi), trở lại đánh tỉnh thành bị chiếm” [12].

Sự phản ứng mạnh của triều đình Huế còn do sự thúc ép của Pháp. Trong Châu bản triều Tự Đức có ghi lại báo cáo của Quyền Tổng đốc Hải Dương, Quảng Yên là Phạm Ý thể hiện rõ điều này:

“Tình hình quân phiến loạn văn thân ở Nghệ An - Hà Tĩnh đã phối hợp với giặc biển kéo ra đánh phá các tỉnh ven biển ở Bắc Kỳ, chém giết giáo dân đạo Gia tô, dân tỉnh 2 bên lương giáo bị giao động mạnh. Các giám mục, linh mục người Âu cho biết các quan chức Pháp hiện rất bất bình về vụ bạo loạn ở Nghệ An - Hà Tĩnh. Hiệp ước thông thương vừa được kí kết có thi hành được hay không cũng tùy thuộc vào vụ Nghệ An - Hà Tĩnh, vì vậy xin triều đình phải lo dẹp yên vụ đó, hoặc nhờ quân Pháp cùng phối hợp tiêu trừ” [13].

Tình thế của nghĩa quân không còn thuận lợi, lực lượng triều đình ở Hà Tĩnh yếu, nhưng lực lượng ở Nghệ An lại mạnh. Sau phong trào Hoàng Phan Thái, triều đình Tự Đức hoảng sợ đã điều động hàng chục cơ binh từ miền Nam ra đóng tại Nghệ An. Tỉnh thành Nghệ An (Vinh) chỉ cách tỉnh thành Hà Tĩnh 50km, quân ở Nghệ An có thể nhanh chóng sang giải vây cho Hà Tĩnh. Mặt khác, tuy Hà Tĩnh thất thủ nhưng quân số đóng miền duyên hải còn gấp năm quân Cờ Vàng. Đội quân Lam La của giặc Pháp phòng thủ chung cho Nghệ - Tĩnh cũng khá đông [14].

Trong hoàn cảnh đó, nếu lực lượng triều đình ở Nghệ - Tĩnh tổ chức, phối hợp tác chiến thì nghĩa quân khó lòng đối địch, dễ bị bao vây. Hơn nữa, chiến thuật của nghĩa quân là đánh du kích, xuất hiện bất thường, tấn công tiêu diệt sinh lực địch rồi rút lui chứ không chủ trương cố thủ các thành trì đồn lũy đã chiếm được. Vì thế, nghĩa quân đã rút ngay ra khỏi tỉnh thành, rồi nhanh chóng ngược lên phía Hương Sơn. Tình hình mới đòi hỏi chiến thuật, chiến lược mới. Nghĩa quân vượt Trường Thành sang Nghệ An tiến đánh Tràng Ná. Nhưng họ đã rơi vào thế bị bao vây, bị chặn cả đường tiến và đường rút quân. Quân triều đình từ Nghệ An kéo đến địa phận giáp ranh giữa Hà Tĩnh được cấp tốc gọi về truy kích quân Cờ Vàng rút lên mạn ngược. Hai tướng Thanh Long và Trần Văn Biêng không sao phá nổi vòng vây của địch ngày càng xiết chặt. Nghĩa quân bị mắc nghẽn ở Nam Đàn, phải đóng ở đây cho đến khi phong trào Cờ Vàng tan rã.

Võ Trọng Bình - Tổng đốc An - Tĩnh tìm cách đối phó với cuộc khởi nghĩa. Một mặt, y ra lệnh cho viên chỉ huy quân sự Hà Tĩnh phải thu

<sup>11</sup> Theo Viện Sử học, Đại Nam Thực Lục, Tập tám: Chính biên-Kỷ thứ tư, Nxb Giáo dục, Hà Nội(2013)thi trong trận nghĩa quân tấn công vào tỉnh lỵ Hà Tĩnh, khâm phái Đình Văn Khoa, quân đạo Mệnh Tuyên, lãnh binh Lê Văn Thất tử trận, phó quân đạo Tô Huân bị bắt sống.

<sup>12</sup> Nguyễn Huy Điền (1840 – 1874), đậu tú tài năm 22 tuổi nên còn được gọi là Tú Khanh.Sau khi ra khỏi tù, Nguyễn Huy Điền trở thành một chỉ huy xuất sắc, cầm đầu nghĩa quân tại huyện Thạch Hà, Can Lộc, chiến đấu ở vùng nam Hà Tĩnh. Sau bị vây bắt trên vùng Cam Cốt (Lào). Hiện nay, tại địa phương vẫn còn một bến nước gọi tên là “*Bến Tú Khanh*”vẫn còn “*nuơng Thầy Tú*”(dẫn theo Thái Kim Định (cb), *Địa chí Huyện Thạch Hà*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 56) [29]

thập tàn quân rồi lập tức truy kích quân Cờ Vàng trên đường sang Nghệ An, vừa đánh vừa chặn đường không cho nghĩa quân trở lại Hương Sơn. Mặt khác, y tung hàng trăm võ sĩ sang Hương Sơn làm thuyết khách để do thám và phá hoại phong trào Cờ Vàng bằng những hành động thâm độc mua chuộc, dụ dỗ:

- Dùng mỗi câu danh lợi lôi kéo một số chỉ huy của phong trào Cờ Vàng.
- Bắt cóc, ám sát một số nghĩa quân cũng như những người phục dịch.
- Dọa nạt, khủng bố cha mẹ, vợ con, họ hàng của những người tham gia phong trào.

Võ Trọng Bình tổ chức lực lượng quân sự của triều đình làm hai lực lượng công thủ để tiêu diệt nghĩa quân.

Lực lượng phòng thủ chia đóng từ địa phận Hương Sơn đến Thanh Chương qua chợ Liễu, chợ Rỗ. Tàn quân Hà Tĩnh, quân phòng triệt vùng biển Hà Tĩnh cũng được điều ngược Hương Sơn để chặn đường rút lui của nghĩa quân. Lực lượng triều đình tiến công vào đại bản doanh của nghĩa quân ở Hương Sơn. Để giành thế chủ động và đảm bảo yếu tố bí mật, bất ngờ, lực lượng tấn công không đi đường đồng bằng qua hạ Hương Sơn mà lên Thanh Chương rồi đột nhập vào Hương Sơn qua đường Thượng, tức đường rừng miền Tiên Lâm - Cẩm Lĩnh (nay là các xã Sơn Lâm, Sơn Lĩnh).

Khi tiền quân triều đình đến Hương Sơn thì đoàn do thám cũng đã nắm rõ tình hình nội bộ nghĩa quân. Việc lôi kéo, khủng bố, bắt cóc và ám sát đã tiến hành song song với việc điều tra do thám. Kho tàng, trại giam, trại quân, trại huấn luyện, trại sản xuất, xưởng chế tạo vũ khí đều đã bị gián điệp phát hiện. Quân triều đình tấn công đến đầu xã Phúc Dương thì tràn ra như nước thác bao vây kín cả xã. Vây xong, quân triều đình phóng hỏa đốt nhà. Gần hai phần ba xã, dọc từ Kê Mui đến Hữu Bằng, ngang từ sông Phó đến Phúc Bùi thành biển lửa. Nhà cửa của nhân dân, kho tàng, doanh trại, xưởng chế tạo vũ khí của nghĩa quân trong phút chốc đều biến ra tro. Nhân cơ hội, giáo dân xã Phúc Dương tiến hành trả thù, Cao Huy Thuần cung cấp sử liệu này khi ông viết: “*Các tín đồ Gia tô cầu cứu Pháp và khi được quân đội Pháp ủng hộ họ liền trả thù không chừa một ai. Tàn sát, đốt nhà, cướp bóc,... lại tái diễn như khi Garnier vừa chết*” [15]. Lửa cháy đến đâu, vòng vây xiết chặt đến đâu, sau vết cháy là grom đao giáo mác. Lửa cháy tới đại bản doanh, Quang Cán vội thu thập một số thủ hạ, cùng vợ con nhảy lên voi mở đường máu chạy về phía Tây.

Tổng đốc Vũ Trọng Bình, sau khi bao vây và phóng hỏa đốt hai phần ba xã Phúc Dương, đến đóng ngay tại đình chợ Trị bên bờ sông Phó, đồng thời tiến hành dọa nạt, lừa phỉnh dân chúng, tức tặc tổ chức lực lượng truy kích Trần Quang Cán.

Đội truy kích được tổ chức cấp tốc. Họ theo dấu chân voi bám riết nghĩa quân của Trần Quang Cán. Nghĩa quân chạy đến địa phận Mường U (U Bò?) thì người vợ thứ hai của Quang Cán đau bụng chuyên sinh, ông phải vào ngay hang đá trước mặt. Quân truy kích đến kịp thời bao vây hang đá. Quang Cán cầm grom án ngự cửa hang, quan quân tả xung hữu đột vẫn không sao thắng nổi ông. Trong khi đó, tên phản bội Hồ Bá, bí mật đem một đội lính thạo nghề phóng giáo leo lên mỏm đá gần cửa hang mà Quang Cán không hề trông thấy. Một trận mưa giáo ập vào người ông. Ông bị thương nặng ngã xuống. Quân lính ập vào trói nghiêng ông lại bỏ vào cũi khiêng ngày đêm chạy về đình chợ Trị xã Phúc Dương. Dọc đường ông cắn lưỡi tự tử mà không chết, máu tươi lai láng, lưỡi miệng đều sưng to, ông vẫn ngồi điềm nhiên không gục xuống [8].

Tại đình chợ Trị, Võ Trọng Bình bắt nhân dân địa phương vào nhận diện Trần Quang Cán. Sau đó, quan quân lập tức chuyển ông về Nghệ An để đưa ra pháp trường, vì họ rất sợ ông tìm cách tự sát trong cũi tù. Trần Quang Cán bị đưa ra pháp trường để tử hình cùng với người con cả của mình<sup>13</sup>, cuộc khởi nghĩa Cờ Vàng năm Giáp Tuất (1874) chấm dứt.

Từ lễ tế cờ xuất quân, qua chiến thắng đến thất bại, phong trào Cờ Vàng tồn tại được 6 tháng<sup>14</sup>. Trần Trọng Kim đã xác định khoảng thời gian tồn tại của cuộc khởi nghĩa khi ông viết: “*Triều đình thấy thế giặc ngày càng to, bèn sai ông Nguyễn Văn Tường ra làm Khâm sai và ông Lê Bá Thiện làm tổng đốc đem quân ra đánh dẹp từ tháng 2 đến tháng 8 mới xong*” [16].

#### 2.4 Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Cờ Vàng năm Giáp Tuất (1874)

<sup>13</sup> Cùng ra pháp trường với ông có người con trai đầu lòng là Trần Quang San 18 tuổi đã hai năm làm con tin ở nhà Võ Trọng Bình. Người con trai thứ hai của ông là Trần Quang Bôn mới 8 tuổi chưa thụ hình, theo luật pháp phong kiến được nhà chức trách nuôi trong lao đến 18 tuổi mới thụ hình, không rõ về sau có bị tử hình hay không vì chỉ 9 năm sau thì triều đình Nguyễn đã mất Bắc Kỳ, Trung Kỳ.

Người vợ thứ hai và người con sinh trong hang đá Mường U bị giam ở Nghệ An, về sau cả hai sống chết như thế nào không ai rõ. Còn người vợ cả của Quang Cán, con gái Hồ Trường chết lúc ông khởi sự. Người con gái của bà và người con gái đầu lòng bà vợ lẽ được Hồ Trường che giấu không bị bắt giam, về sau cả hai đều lấy chồng sinh nhiều con cháu.

<sup>14</sup> Nếu tính cả quá trình chuẩn bị thì cuộc khởi nghĩa Cờ Vàng kéo dài được hơn một năm.

\* Nguyên nhân thất bại

Cuộc khởi nghĩa Giáp Tuất (1874) do Trần Quang Cán cuối cùng đã bị thất bại. “Nguyên nhân căn bản dẫn tới thất bại là thiếu giai cấp lãnh đạo. Sĩ phu văn thân cả nước nói chung, Hà Tĩnh nói riêng, tuy giàu lòng yêu nước, chống xâm lược, nhưng điều kiện mà họ xuất thân đã cản trở, ràng buộc tâm nhìn của họ trong quá trình lãnh đạo phong trào” [17]. Biểu hiện rõ nhất là những người lãnh đạo phong trào đã nêu lên tư tưởng “sát tã” trong khi chính họ và nhân dân Nghệ Tĩnh đã cầm vũ khí đứng lên với tinh thần “Phen này quyết đánh cả Triều lẫn Tây”.

“Bình Tây sát tã” là một thực tế trong khởi nghĩa Giáp Tuất. Và qua những sự kiện lịch sử như đã nêu, “sát tã” là một “sai lầm” của những người cầm đầu khởi nghĩa. Do đó, khó tránh khỏi những hậu quả thất bại. Không thể chối cãi rằng phong trào 1874 ở Nghệ Tĩnh là phong trào yêu nước, do văn thân yêu nước khởi xướng. Nhưng cũng không thể không thừa nhận rằng các văn thân yêu nước đó đã mắc phải một sai lầm về chính trị khi có lúc họ xem việc “sát tã” là điều kiện thứ nhất của việc “bình Tây”, không phân biệt đầy đủ tín đồ yêu nước và các giáo sĩ làm tay sai cho giặc Pháp. Họ coi con chiên theo đạo là một phe với Pháp, và vô tình đẩy tất cả những người theo đạo Gia tô sang phía thực dân Pháp. Có thể thấy Pháp triển khai hoạt động phản ứng phong trào khởi nghĩa năm Giáp Tuất trên hai phương diện. Một là ép triều đình Tự Đức đánh dẹp phong trào, có nghĩa là Pháp đã thực hiện được ý đồ nhờ bàn tay của nhà Nguyễn ngăn chặn, phá hủy lực lượng kháng chiến của nhân dân. Và hai là, kích động, xúi bẩy giáo sĩ và con chiên phản động gây bạo loạn. Ở nhiều nơi giáo dân bị lừa phỉnh đã đào hào, đắp lũy, rào làng, thậm chí đã có những nơi đã thành lập cả đội quân “tử vì đạo” để chống lại nghĩa quân [18]. Nhiều giáo dân đã “vì Chúa” mà quên kẻ thù của dân tộc là thực dân Pháp. “Tử vì đạo” là khẩu hiệu do thực dân Pháp đưa ra nhằm lợi dụng hành động “sát tã” của nghĩa quân để chống lại chính lực lượng khởi nghĩa. Do đó, ở một phương diện nào đó, Trần Quang Cán nêu khẩu hiệu “Bình Tây sát tã” bị thực dân Pháp lợi dụng, bởi lúc đó Pháp đang muốn che đậy ý đồ bành trướng xâm lược của chúng. Khẩu hiệu “Bình Tây sát tã” vô tình đã tiếp tay cho kẻ thù [19]. Đây là sai lầm chung của cả hai cuộc khởi nghĩa trên đất Nghệ - Tĩnh lúc đó. Kẻ thù đã khoét vào điểm yếu của nghĩa quân là “sát tã” để bêu riếu Trần Quang Cán cũng như Trần Tấn, Đặng Như Mai và kích động giáo dân cùng hợp lực với

chúng để chống trả nghĩa quân. Mặc dù Trần Quang Cán, Trần Tấn và Đặng Như Mai chỉ muốn chĩa mũi nhọn vào bọn giặc điệp đội lột thầy tu, nhưng chủ trương “sát tã” rất bất lợi cho việc tập hợp lực lượng và dễ bị kẻ thù xuyên tạc, lợi dụng. Một trong những nguyên nhân khiến quan quân nhà Nguyễn phải cố gắng hết sức để “dẹp loạn” ở Nghệ - Tĩnh là vì thực dân Pháp đã trắng trợn dọa dẫm: “*Nếu Triều đình không dẹp xong được cuộc nổi loạn thì bắt buộc chúng ta sẽ cho quân đổ bộ lên Nghệ An để cứu con chiên*” [20].

Tuy nhiên, ở đây cũng cần phải hiểu thêm rằng “sát tã” chỉ là phương tiện của “bình Tây” và là “dọn đường” cho “bình Tây”. “Sát tã” hoàn toàn không phải là mục đích của cuộc khởi nghĩa. Trong hoàn cảnh của Hà Tĩnh nói riêng, cả nước nói chung vào thế kỷ XIX, có những thời điểm nếu không “sát tã” thì không thực hiện được mục tiêu chống đế quốc và chống phong kiến, bởi lẽ một số nơi, giáo dân dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cha cố đã trở thành tay sai thực sự cho thực dân Pháp. Điều đáng nói ở đây là nghĩa quân đã đặt nhiệm vụ “sát tã” lên trên nhiệm vụ “bình Tây”, không thấy được đâu là kẻ thù chính của dân tộc [21]. Cuối cùng, chúng tôi muốn nói thêm rằng, chính vì nội dung “sát tã” có mặt phải của nó nên cuộc đấu tranh chống Pháp cuối thế kỷ XIX, Nghệ Tĩnh nói chung và Hà Tĩnh nói riêng vẫn là một trung tâm mạnh nhất. Mục tiêu chống thực dân Pháp xâm lược và triều đình phong kiến đầu hàng vẫn được mọi tầng lớp nhân dân Hà Tĩnh, trong đó có cả nhiều người công giáo yêu nước thực hiện đến cùng.

Tác giả Nguyễn Văn Kiệm trong tác phẩm “Sự du nhập của đạo Thiên chúa vào Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX” cho rằng: “Cùng lúc với chủ trương kháng chiến là phải diệt trừ Thiên Chúa giáo lại là một sự sai lầm. Có thể đây đó, một số giáo dân quá khích, cậy thế người Tây trả thù người bên lương, thì hành động đó đáng phải lên án, song không phải vì thế mà cho rằng tất cả người Thiên chúa giáo là phản động, để lại gây nên một cuộc xung đột lương giáo không đáng có và bất lợi cho việc đoàn kết dân tộc để chống ngoại xâm” [22].

Một nguyên nhân thất bại chung nữa của phong trào văn thân trong đó có khởi nghĩa năm Giáp Tuất ở Nghệ Tĩnh là các lãnh tụ khởi nghĩa lại tin cậy quá nhiều vào các quan lớn địa phương, mà nhiều quan tỉnh giữa chừng bỏ phong trào; hơn nữa có những người chủ chiến có ảnh hưởng và có thực lực quân đội trong tay như Tôn Thất Thuyết đến giờ quyết định thì lại quay ra dùng quân đội



đàn áp khởi nghĩa một cách bất ngờ. Hàng ngũ những người chủ chiến sớm bị chia rẽ sâu sắc, có phe chủ chiến mà chống cả triều đình đầu hàng như Trần Tấn, Đặng Như Mai, Trần Quang Cán; có phe chủ chiến song vẫn trung thành với triều đình như Tôn Thất Thuyết [18].

Dẫu vậy, trên đây chỉ là nguyên nhân thứ yếu. Nguyên nhân chính là do cuộc khởi nghĩa nổ ra trong tình thế quá chênh lệch về lực lượng. Kẻ thù của nghĩa quân lúc này không chỉ là phong kiến nhà Nguyễn mà cả thực dân Pháp. Vì vậy, khi chiến sự diễn ra, kẻ thù đã có sự liên kết chặt chẽ với nhau trong việc điều quân đàn áp cuộc khởi nghĩa. Hơn nữa, dù đã có sự liên kết với phong trào của Trần Tấn và Đặng Như Mai ở Nghệ An, song nhìn trong bình diện khu vực và cả nước thì cuộc khởi nghĩa của Trần Quang Cán nổ ra khá đơn lẻ, thiếu sự hỗ trợ từ các tỉnh khác, chính vì vậy mà kẻ thù có điều kiện tập trung quân để đàn áp, tiêu diệt cuộc khởi nghĩa.

\* Ý nghĩa lịch sử

Cuộc khởi nghĩa Cờ Vàng là một hoạt động đấu tranh yêu nước do các sĩ phu yêu nước lãnh đạo nhưng cuối cùng bị thất bại.

Mặc dù thất bại, song khởi nghĩa năm Giáp Tuất (1874) do Trần Quang Cán khởi xướng và lãnh đạo đã thể hiện tinh thần yêu nước nồng nàn, truyền thống chống xâm lược mạnh mẽ của nhân dân, chủ yếu là nông dân Hà Tĩnh. Phong trào đã góp phần không nhỏ vào việc thể hiện ý chí, quyết tâm chống lại triều đình phong kiến nhà Nguyễn của nhân dân Hà Tĩnh nói riêng và cả nước nói chung khi mà triều đình Tự Đức đang tự mình đánh mất đi vai trò lãnh đạo toàn dân đoàn kết đánh đuổi kẻ thù xâm lược bằng những hành động hòa hoãn và cuối cùng là đầu hàng kẻ thù xâm lược.

“Cuộc khởi nghĩa Giáp Tuất (1874) ở Hà Tĩnh do Trần Quang Cán và Nguyễn Huy Điền lãnh đạo - Sử sách nhà Nguyễn gọi là “giặc Cờ Vàng” - đã thể hiện tinh thần yêu nước nồng nàn, truyền thống chống giặc ngoại xâm mạnh mẽ của nhân dân Hà Tĩnh. Hòa nhịp với phong trào chung của cả nước, phong trào Hà Tĩnh đã phát triển mạnh, viết lên những trang sử hào hùng. Đây cũng là ngọn lửa đầu tiên thổi lên để rồi 10 năm sẽ bùng cháy mạnh mẽ và quyết liệt trong phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX” [17].

Chính vì những đóng góp to lớn kể trên mà người đương thời đã từng ca ngợi Trần Quang Cán và các đồng chí của ông trong những lời về nồng nhiệt sau đây:

“Năm ni (nay) Giáp Tuất xuân niên,  
Văn thân nghĩa sĩ làm nên anh tài.

Tú Khanh rời lại Tú Mai

Cố Bang, Đội Lữ ra tài giúp dân” [23]

Trần Quang Cán đã nêu một tấm gương yêu nước cho các thế hệ sau. Con cháu và dân làng tôn vinh ông, xem ông như một vị thần của làng. Những chiến sĩ yêu nước như Trần Đình Cúc, Trần Thúc Du và ông Hồ Đình Lý đã tổ chức vào dịp trung thu 1945 một cuộc rước đuốc lớn trong xã Phúc Dương để kỷ niệm Trần Quang Cán và để truyền đời lòng yêu nước của ông.

Theo Giáo sư Đinh Xuân Lâm, “một việc làm có ý nghĩa sâu sắc: Nhà thờ họ Trần Quang Cán thường được chọn làm nơi họp các hội nghị quan trọng nhất của địa phương, và ngày 17 tháng 6 năm 1946 chính tại nơi đây đã tiến hành đại hội thành lập chi bộ xã” [24].

Vấn đề cuối cùng chúng tôi muốn nhấn mạnh là dù có mối liên hệ mật thiết với cuộc khởi nghĩa của Trần Tấn, Đặng Như Mai ở Nghệ An song cuộc khởi nghĩa của Trần Quang Cán trên đất Hà Tĩnh có tính độc lập của nó, không phải là một bộ phận của cuộc khởi nghĩa ở Nghệ An như lâu nay nhiều người nhầm tưởng. Việc hai cuộc khởi nghĩa nổ ra cùng thời điểm, có sự phối hợp với nhau đã tạo ra lợi thế cho nghĩa quân, tạo được dấu ấn mạnh mẽ đối với nhân dân các tỉnh lân cận, khiến cho kẻ thù gặp nhiều khó khăn. Thế chẻ tre của nghĩa quân đã làm cho thực dân Pháp phải kêu lên: “*Kẻ thù của nước Pháp đã nổi dậy ở Nghệ Tĩnh...*” [25]. Các nhà viết sử của triều đình đã phải công nhận là cuộc “*nổi loạn*” ở Nghệ Tĩnh “*thế rất hung hăng, hiện tình so với trước lại càng khẩn cấp*” [26]. Quả thật, “*có trận có tới 21 tên chỉ huy quân Nam triều bị bắt sống như trận chiến đấu quyết liệt ngày 15-5-1874 tại cánh đồng giữa xã Nam Thanh và xã Nam Diên huyện Nam Đàn. Khởi nghĩa Giáp Tuất đã làm cho thực dân Pháp và Nam Triều phong kiến nhiều phen thất điên bát đảo*” [27]. Quan lại hai tỉnh liên tiếp bị triều đình khiển trách trong đó có Bộ chánh Phạm Hy Lăng và Án sát Nguyễn Đơn bị phạt tội trọng (đánh roi) vì đã bắt lực, không dẹp nổi “*loạn Bình Tây sát tả*” [28]...

### 3 KẾT LUẬN

Xét toàn cục, cuộc khởi nghĩa Cờ Vàng năm Giáp Tuất trên địa bàn Hà Tĩnh do Trần Quang Cán chỉ huy là kết quả của phong trào đấu tranh từ thấp lên cao trong gần 20 năm (1858-1875) của nhân dân Hà Tĩnh chống bọn cướp nước và bọn thỏa hiệp đầu hàng. Nhưng ngòi nổ trực tiếp của cuộc khởi nghĩa chính là do hành động chà đạp lên tình cảm yêu nước và nguyện vọng kháng chiến

của nhân dân ta sau chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất (1873) của triều đình, đặc biệt là sau việc triều đình Tự Đức kí Điều ước Giáp Tuất - 1874 nhượng cả Nam Kỳ cho Pháp.

Vua đầu hàng, triều đình bạc nhược quay ngược lại với nhân dân, bị nhân dân chán ghét nổi dậy chống cả “*triều lẫn Tây*”. Hàng loạt các cuộc khởi nghĩa nổ ra khắp trong cả nước, trong đó có cuộc khởi nghĩa Cờ Vàng năm Giáp Tuất (1874) do Trần Quang Cán lãnh đạo nổ ra ở Hà Tĩnh. Mặc dù thất bại, song khởi nghĩa Cờ Vàng năm Giáp Tuất (1874) do Trần Quang Cán khởi xướng và lãnh đạo đã thể hiện tinh thần yêu nước nồng nàn, truyền thống chống xâm lược mạnh mẽ của nhân dân, chủ yếu là nông dân Hà Tĩnh và các tầng lớp văn thân sĩ phu yêu nước. Phong trào đã góp phần không nhỏ vào việc thể hiện ý chí, quyết tâm chống lại triều đình phong kiến nhà Nguyễn của nhân dân Hà Tĩnh nói riêng và cả nước nói chung khi mà triều đình Tự Đức đang tự mình đánh mất đi vai trò lãnh đạo toàn dân đoàn kết đánh giặc.

Tuy chỉ tồn tại trong một thời gian, mặc dù các văn thân yêu nước lúc đó đã mắc phải sai lầm khi có lúc họ xem việc “*sát tả*” là điều kiện thứ nhất của việc “*bình Tây*”, không phân biệt đầy đủ tín đồ yêu nước và các giáo sĩ làm tay sai cho mục tiêu chống đế quốc và chống phong kiến. Điều đáng nói ở đây là nghĩa quân đã đặt nhiệm vụ “*sát tả*” lên trên nhiệm vụ “*bình Tây*”, không thấy được đâu là kẻ thù chính của dân tộc. Đó chính là một trong những nguyên nhân đưa đến sự thất bại của cuộc khởi nghĩa, nhưng cuộc khởi nghĩa đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh chống Pháp của dân tộc sau này.

Ngày nay, nhìn lại giai đoạn lịch sử Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX, chúng ta như còn nghe được nhịp đập quả tim tràn đầy nhiệt huyết của cha ông, như thấy được không khí sục sôi của cuộc khởi nghĩa Cờ Vàng năm Giáp Tuất (1874) năm nào. Chúng ta như cảm nhận được lòng băn khoăn, nỗi căm hờn của tầng lớp sĩ phu, của quần chúng nhân dân khi triều đình quay lưng với dân tộc, thỏa hiệp với giặc; và lịch sử lại tiếp tục đặt lên vai họ những người dân yêu nước nhiệm vụ “*đánh cả triều lẫn Tây*” giành độc lập tự do cho dân tộc.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hội Nhà Văn, "Bài ca chống Pháp năm Giáp Tuất (vô danh)," trong *Vè Nghệ Tĩnh*, Hà Nội: NXB Văn học, 1980, tr. 56.
- [2] Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hương Sơn, *Lịch sử Đảng bộ huyện Hương Sơn (1930-1954)*, Tập 1, Hà Tĩnh, 1972.
- [3] Thái Kim Đình, *Hà Tĩnh - Thành Sen*, Hà Tĩnh: Thị Ủy và Ủy ban nhân dân thị xã Hà Tĩnh, 1992.
- [4] Ban Nghiên cứu Lịch sử Nghệ Tĩnh, *Danh nhân Nghệ Tĩnh (t.1)*, Nxb Nghệ Tĩnh, 1980.
- [5] Nhiều tác giả, *Danh nhân Hà Tĩnh*, Tập 1, Hà Tĩnh: Sở Văn hóa Thông tin Hà Tĩnh, 1998.
- [6] Hội Nhà Văn, "Vè khởi nghĩa Giáp Tuất," trong *Vè Nghệ Tĩnh*, Hà Nội, NXB Văn học, 1980, tr. 74.
- [7] Phan Đình Bưởi, *Lịch sử Hà Tĩnh*, Hà Tĩnh: Sở GD-ĐT Hà Tĩnh, 1998.
- [8] Đặng Duy Báu (cb), Đinh Xuân Lâm – Phan Huy Lê – Hà Văn Tấn, *Lịch sử Hà Tĩnh*, Tập 1, Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia, 2000.
- [9] Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, Hà Nội: NXB Giáo dục, 1999.
- [10] "Monsieur Le Commandant (Tonquin Méridional 21 Mars 1874)," Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, KH. 028857, Phòng Phủ Thống sứ Bắc kỳ, 1874.
- [11] "Châu bản triều Tự Đức, tờ 95," Kho lưu trữ Trung ương II: P3.R.T.CB.319.
- [12] Yosiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa từ 1847 đến 1885*, TP. HCM: NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1990.
- [13] "Châu bản triều Tự Đức, tờ 197," Kho Lưu trữ Trung ương II: P3.R.X.CB.391.
- [14] Nguyễn Xuân Thọ, *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam (1858-1897)*, Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2016.
- [15] Cao Huy Thuần, *Giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam (1857-1914)*, Hà Nội: NXB Tôn giáo, 2002.
- [16] Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Sài Gòn: NXB Tân Việt, 1974.
- [17] Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Việt Nam – Tỉnh Hà Tĩnh, *Lịch sử Nghệ Tĩnh*, Hà Nội: Nxb Thanh Niên, 1984.
- [18] Trần Văn Giàu, *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám, T1 (Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử)*, Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội, 1973.
- [19] Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên, Quyển V (Việt Nam kháng Pháp sử)*, Tập thượng, Sài Gòn: Đại Nam xuất bản, 1962.
- [20] Trần Thanh Tâm, Ninh Viết Giao, *Nghệ Tĩnh trong Tổ Quốc Việt Nam*, Nghệ An: Ty giáo dục Nghệ An, 1975.
- [21] Hoàng Văn Lân, Ngô Thị Chính, *Lịch sử Việt Nam (1858 – cuối thế kỷ XIX)*, Quyển 3, Tập 1, Phần 1, Hà Nội: NXB Giáo dục, 1976.
- [22] Nguyễn Văn Kiệm, *Sự du nhập của đạo Thiên chúa vào Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX*, Hà nội: Viện nghiên cứu Tôn giáo, 2001.
- [23] Trần Văn Kính, *Văn thơ yêu nước và cách mạng Hà Tĩnh*, Hà Tĩnh: Hội Văn nghệ Hà Tĩnh, 1975.

- [24] Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh, "Bàn thêm về tính chất và vai trò lãnh đạo phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp xâm lược vào cuối thế kỷ XIX," *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, vol. 6, p. 78, 1980.
- [25] A. Schreiner, *Abrégé de l'histoire d'Annam. Revue et augmentée de la période comprise entre 1858 et 1889*, Saigon: Sai gon chez l'auteur.
- [26] Viện Sử học, *Đại Nam Thực Lục, Tập tám: Chính biên-Kỷ thứ tư*, Hà Nội: NXB Giáo dục, 2013.
- [27] Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thanh Chương, *Lịch sử Đảng bộ huyện Thanh Chương (1930-1954)*, Tập 1, Nghệ An, 1974.
- [28] Nhiều tác giả, *Nghệ Tĩnh hôm qua và hôm nay, tập 1*, Vinh: NXB Nghệ Tĩnh, 1986.
- [29] Thái Kim Đình (cb), *Địa chí Huyện Thạch Hà*, Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia, 2015.

**Nguyễn Tất Thắng** sinh năm 1977, quê quán Kỳ Thu, Kỳ Anh, Hà Tĩnh. Ông tốt nghiệp đại học năm 1999 tại Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Huế; nhận bằng thạc sĩ Sử học năm 2003 tại Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH Huế; đạt học vị Tiến sĩ Sử học năm 2012 tại Đại Học Huế. Từ 1999 đến nay, ông là giảng viên Khoa Lịch sử ĐHSP Huế.

Tác giả đã công bố 5 cuốn sách và 52 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học, kỹ yếu hội thảo quốc gia và khu vực. Năm 2000 nhận được Bằng khen của Bộ GD&ĐT về thành tích nghiên cứu khoa học.

## The Co Vang revolt in Giap Tuat year (1874) in Ha Tinh province

**Nguyen Tat Thang**

Hue University's College of Education

**ABSTRACT**— On March 15, 1874, the Nguyen Dynasty and the French colonialists signed the Giap Tuat treaty with many heavy provisions. This compromise action of the Hue court brought about strong reactions from the people of the whole country, especially from those in the Tonkin region and Central Vietnam. Many revolts broke out both against the French colonialists and against the feudal court's compromise and surrender.

Through the court's action of giving some the land to the invader, Nghe Tinh people in general and Ha Tinh in particular realized that since then they could not separate the revolts against the French colonialists from the ones against the imperial court. The inherent class conflict which had been temporarily suppressed flared again. The conflict between the Vietnamese and the French Empire, between classes is the origin of the Co Vang revolt in Giap Tuat Year in Ha Tinh under the leadership of Tran Quang Can. Although lasting only six months, the uprising caused great difficulties for the French colonialists and the compromising feudal court, highlighting the passionate patriotic tradition and Ha Tinh people's strong spirit of fighting invaders. This was also the first flame just to burst out again 10 years later, strongly and fiercely, in the Can Vuong Movement.

**Index Terms**— Co Vang, Giap Tuat, Tran Quang Can, Tran Tan, Ha Tinh.